

PHỤ LỤC V

TCT LƯƠNG THỰC MIỀN BẮC
MSDN: 0100102608

CỘNG HÒA XÃ HỘI CHỦ NGHĨA VIỆT NAM
Độc lập - Tự do - Hạnh phúc

Hà Nội, ngày tháng 6 năm 2019

BÁO CÁO ĐÁNH GIÁ VỀ KẾT QUẢ THỰC HIỆN KẾ HOẠCH SẢN XUẤT

KINH DOANH HÀNG NĂM VÀ 03 NĂM GẦN NHẤT

(Ban hành kèm theo Công văn số 382 /TCTLTMB-KHQLV ngày 17 tháng 06 năm 2019 của Tổng giám đốc Tổng công ty Lương thực miền Bắc)

Năm báo cáo: Năm 2018

I. Tình hình sản xuất kinh doanh và đầu tư phát triển 03 năm (2016-2018):

1. Thực hiện các chỉ tiêu kế hoạch 3 năm trước:

- Tổng doanh thu toàn Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con, Tổng công ty Lương thực miền Bắc giai đoạn 3 năm (2016 – 2018) trung bình đạt 17.810 tỷ đồng/năm, trong đó Công ty mẹ đạt bình quân 9.715 tỷ đồng/năm.

- Lợi nhuận toàn Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con, Tổng công ty Lương thực miền Bắc giai đoạn 3 năm (2016 – 2018) trung bình là 313 tỷ đồng/năm, trong đó Công ty mẹ đạt bình quân 306 tỷ đồng/năm.

- Kim ngạch xuất khẩu toàn Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con, Tổng công ty Lương thực miền Bắc giai đoạn 3 năm (2016 – 2018) trung bình là 329.955 nghìn USD, trong đó Công ty mẹ là 283.319 nghìn USD.

2. Tiến độ thực hiện các dự án trọng điểm trong các lĩnh vực sản xuất kinh doanh trong 03 năm trước: Báo cáo về tình hình đầu tư thực hiện các dự án trọng điểm của doanh nghiệp.

Trong những năm vừa qua, Tổng công ty đã triển khai đầu tư và đưa vào khai thác hiệu quả một số dự án trọng điểm phục vụ sản xuất kinh doanh chính, trong đó chủ yếu là các nhà máy chế biến, dự trữ nông sản (gạo, lúa mỳ, sắn, ngô..) tập trung tại vùng Đồng bằng Sông Cửu Long và khu vực miền Trung, Tây Nguyên.

Thực hiện kế hoạch đầu tư phát triển năm 2018, Tổng công ty đang triển khai đầu tư 02 nhà máy chế biến gạo và nông sản tại Tây Nguyên và Tây Nam

Bộ nhằm nâng cao năng lực sản xuất, chế biến của Tổng công ty trong giai đoạn mới. Tổng công ty cũng đã báo cáo Ủy ban Quản lý vốn đề xuất và chuẩn bị các thủ tục đề tiến tới thoái vốn đầu tư tại Dự án số 3 Lương Yên ngay khi đủ điều kiện.

Tại các đơn vị thành viên, công tác đầu tư, nâng cấp, cải tạo cơ sở vật chất, lập dự án mời hợp tác đầu tư tại các điểm tài sản có lợi thế được tiến hành theo đúng chủ trương, kế hoạch đã được cấp có thẩm quyền phê duyệt.

3. Những thay đổi chủ yếu trong 03 năm.

Trong bối cảnh khó khăn và thuận lợi đan xen, nhiều thuận lợi và may mắn song cũng không ít khó khăn và thách thức, với quyết tâm nỗ lực của tập thể cán bộ công nhân viên, lãnh đạo Tổng công ty và sự quan tâm chỉ đạo, hỗ trợ kịp thời của Chính phủ các Bộ, Ban ngành, tập thể Ban Lãnh đạo Tổng công ty đã đoàn kết, quyết tâm, bám sát thực tiễn, kịp thời lãnh đạo, đề ra các giải pháp vừa thận trọng vừa linh hoạt với mục tiêu giữ vững và phát triển thị trường, đảm bảo đạt và vượt nhiều chỉ tiêu kế hoạch được giao, ổn định và phát triển Tổng công ty, góp vào tăng trưởng chung của ngành và cả nước.

Từ năm 2017 đến nay, Tổng công ty giữ vững vị thế là doanh nghiệp dẫn đầu cả nước về xuất khẩu gạo. Năm 2018, tính cả sản lượng xuất khẩu gạo sang thị trường Iraq do Công ty liên doanh VIP làm đầu mối, tổng sản lượng xuất khẩu gạo toàn Tổ hợp đạt 1,36 triệu tấn với tổng kim ngạch 665 triệu Đô la Mỹ, chiếm 21% sản lượng xuất khẩu gạo cả nước và là năm Tổng công ty đạt kim ngạch xuất khẩu lớn nhất từ trước tới nay.

Tổng công ty đã được Chính phủ chấp thuận chủ trương và được Bộ Nông nghiệp và Phát triển nông thôn phê duyệt Phương án cơ cấu lại giai đoạn 2018-2020. Hội đồng thành viên Tổng công ty cũng đã ban hành Kế hoạch thực hiện Phương án cơ cấu lại toàn Tổng công ty, xác định chi tiết danh mục và tiến độ từng nội dung, nhiệm vụ về cổ phần hóa và thoái vốn. Tuy nhiên do một số vướng mắc phát sinh liên quan đến việc phê duyệt phương án sắp xếp lại, xử lý nhà đất nên việc cổ phần hóa và thoái vốn tại Tổng công ty chưa thực hiện được theo tiến độ.

Đối với công tác quản trị hoạt động của các doanh nghiệp thành viên, Tổng công ty tiếp tục tăng cường chất lượng quản trị thông qua việc thi hành đầy đủ các quy chế quản lý, ban hành Quy chế tài chính mẫu, chỉ rõ địa chỉ và lượng hóa trách nhiệm vật chất nếu xảy ra thua lỗ, mất vốn tại doanh nghiệp. Tổng công ty cũng thường xuyên tiến hành kiểm tra tình hình quản lý sử dụng vốn, kiểm tra theo chuyên đề tại nhiều đơn vị và đưa ra các cảnh báo, khuyến cáo cũng như kịp thời tháo gỡ các khó khăn, vướng mắc tại doanh nghiệp.

4. Thuận lợi, khó khăn chủ yếu, các yếu tố ảnh hưởng tới tình hình sản xuất kinh doanh của doanh nghiệp.

4.1 Thuận lợi:

- Nguồn nguyên liệu lúa gạo dồi dào với tỷ trọng gạo thơm đáp ứng được nhu cầu khách hàng là điều kiện thuận lợi để Tổng công ty triển khai kế hoạch thu mua từ đầu năm, chuẩn bị sẵn chân hàng để chủ động tham gia các phương án đấu thầu quốc tế.

- Kế hoạch thu mua của các quốc gia có nhu cầu lớn về gạo như Indonesia, Philippines triển khai mạnh trong năm 2018, với sản lượng mua gạo tăng cao chuẩn bị trước bầu cử. Đây cũng là yếu tố quan trọng để Tổng công ty tham gia đấu thầu và thắng thầu nhiều lô lớn vào các thị trường này, dẫn tới sản lượng xuất khẩu của Tổng công ty năm 2018 tăng đột biến so với kế hoạch và thực hiện các năm liền trước; Các thị trường truyền thống như Cuba tiếp tục được duy trì ổn định, trong khi quan hệ với khách hàng Iraq tiếp tục được củng cố và phát triển mạnh, đưa sản lượng xuất khẩu năm 2018 vào khu vực thị trường tập trung có sự tăng trưởng mạnh.

- Hệ thống cơ sở sản xuất, chế biến gạo của Tổng công ty và các đơn vị thành viên trong những năm vừa qua tiếp tục được đầu tư nâng cấp và mở rộng, vừa tăng năng lực thu mua, chế biến và nâng cao chất lượng sản phẩm đầu ra, đáp ứng kịp thời các hợp đồng đã ký.

4.2 Khó khăn

- Năm 2018 nói riêng và 3 năm đầu giai đoạn 2016-2020 nói chung, Chính phủ đã ban hành nhiều văn bản quy phạm pháp luật trong các lĩnh vực quản lý doanh nghiệp nhà nước, đất đai, cổ phần hóa và thoái vốn nhà nước theo hướng hiệu quả và chặt chẽ hơn, song do sự thay đổi nhanh các quy định trong thời gian ngắn khiến các vướng mắc phát sinh đối với các vấn đề mới chậm được xem xét, hướng dẫn và giải quyết, dẫn tới quá trình cổ phần hóa, thoái vốn của một số doanh nghiệp trong đó có Tổng công ty Lương thực miền Bắc có bị ảnh hưởng về tiến độ.

- Những khó khăn nội tại về nguồn lực như vốn, cơ sở sản xuất và nhân lực tại các đơn vị thành viên, dù đã có bổ sung, nâng cấp song vẫn chưa đủ để xây dựng được thị phần, năng lực cạnh tranh đảm bảo khả năng phát triển ổn định và bền vững.

5. Mục tiêu và kế hoạch trong giai đoạn tới

5.1 Xây dựng Tổng công ty trở thành một trong những doanh nghiệp hàng đầu về chế biến, kinh doanh lương thực, nông sản của Việt Nam tiếp cận trình độ quốc tế. Phát triển kinh doanh theo hướng đa dạng các sản phẩm lương thực, nông sản chất lượng cao, rõ nguồn gốc xuất xứ, đảm bảo an toàn vệ sinh thực phẩm; nâng cao giá trị thương mại các mặt hàng gạo, muối xuất khẩu, kinh doanh lương thực nội địa và chế biến lương thực, thực phẩm theo hướng đa sở hữu để thu hút vốn và kinh nghiệm của các đối tác khác.

5.2 Tiếp tục là công cụ của Chính phủ trong điều tiết thị trường và hoạt động sản xuất, chế biến, bảo quản các sản phẩm lúa gạo, nông sản, muối, thu mua tiêu thụ nông sản, muối hàng hóa cho nông dân, góp phần xây dựng thương hiệu gạo quốc gia. Thực hiện tốt nhiệm vụ bảo đảm an ninh lương thực, an ninh về muối, bình ổn giá lương thực các tỉnh phía Bắc và giá muối trên cả nước, góp phần ổn định kinh tế vĩ mô và an sinh xã hội.

II. TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON

1. Danh sách các Công ty con mà Tổng công ty nắm giữ trên 50% vốn điều lệ và tình hình đầu tư vốn của Tổng công ty vào các doanh nghiệp này:

- Tại thời điểm 31/12/2018, Tổng công ty có vốn đầu tư tại 24 Công ty con, trong đó bao gồm: 21 Công ty cổ phần, 02 Công ty TNHH 100% vốn và 01 Công ty liên doanh.

2. Tóm tắt về hoạt động và tình hình tài chính của các công ty con

Trong giai đoạn 2016-2018, thực hiện nhiệm vụ tái cơ cấu tại các Đề án được phê duyệt, thông qua người đại diện vốn, Tổng công ty đã khẩn trương và quyết liệt chỉ đạo, lãnh đạo công tác cơ cấu lại hoạt động của các doanh nghiệp có vốn góp của Tổng công ty mà trọng tâm là các công ty con. Nhờ đó một số đơn vị đã cơ cấu lại và lành mạnh hóa tình hình tài chính, giúp hoạt động sản xuất kinh doanh được cải thiện, cơ bản các đơn vị đều kinh doanh có hiệu quả. Tính bình quân 3 năm giai đoạn 2016-2018, tỷ suất lợi nhuận/cổ tức được chia từ vốn đầu tư của Tổng công ty vào các doanh nghiệp là 5,5 %.

Trên đây là nội dung báo cáo đánh giá về kết quả thực hiện Kế hoạch sản xuất kinh doanh hàng năm và 03 năm gần nhất của Tổng công ty Lương thực miền Bắc. Tổng công ty Lương thực miền Bắc trân trọng báo cáo./.

BIỂU SỐ 1

(Kèm theo công văn số 382 /TCTLTMB-KHQLV ngày 17/6/2019
của Tổng giám đốc Tổng công ty Lương thực miền Bắc)

MỘT SỐ CHỈ TIÊU VỀ HOẠT ĐỘNG SẢN XUẤT KINH DOANH CỦA DN

TT	Chỉ tiêu	ĐVT	Thực hiện năm 2015	Thực hiện năm 2016	Thực hiện năm 2017	Thực hiện năm 2018
1	Sản phẩm chủ yếu sản xuất	Tấn				
a)	- Gạo các loại	Tấn	343.000	264.794	203.256	295.415
b)	- Tắm cám	Tấn	151.900	114.612	87.977	112.485
2	Tổng doanh thu, thu nhập Hợp cộng	Tỷ đồng	17.601	15.745	15.941	21.744
3	Lợi nhuận trước thuế Hợp cộng	Tỷ đồng	277	203	355	382
4	Nộp ngân sách Hợp nhất	Tỷ đồng	218	270	406	418
5	Kim ngạch xuất khẩu (nếu có)	1000 USD	345.923	289.913	275.961	423.991
6	Sản phẩm DV công ích					
a)	- Gạo		32.192	30.590	35.372	20.358
b)	- Muối		15.732	33.520		
7	Kế hoạch ĐT phát triển (Tổ hợp)	Tỷ đồng	655	101	53	362
a)	- Nguồn ngân sách	"	13			
b)	- Vốn vay	"	373			108
c)	- Sử dụng vốn, quỹ doanh nghiệp	"	269	101	53	253
d)	- Vốn khác		1			
8	Tổng lao động	Người	4.810	2.900	2.300	1.909
9	Tổng quỹ lương	Tỷ đồng	314,9	204,6	200,3	150,0
a)	- Quỹ lương quản lý	Tỷ đồng	3,9	4,6	4,3	4,0
b)	- Quỹ lương lao động	Tỷ đồng	314,0	200,0	168,0	146,0

Do Kế hoạch xây dựng cho toàn Tổ hợp là Kế hoạch Tổng hợp, vì vậy để đảm bảo tính so sánh, số liệu trong Phụ lục này là số liệu tổng hợp tình hình thực hiện Kế hoạch của cả Tổ hợp Công ty mẹ - Công ty con

BIỂU SỐ 2
TÌNH HÌNH ĐẦU TƯ TẠI CÁC CÔNG TY CON
DO CÔNG TY MẸ NĂM CỔ PHẦN CHI PHỐI

Đơn vị: Triệu đồng

T T	Tên doanh nghiệp	Thực hiện năm 2015			Thực hiện năm 2016			Thực hiện năm 2017			Thực hiện năm 2018		
		Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Vốn góp của Cty mẹ	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Vốn điều lệ (Tỷ đồng)	Vốn góp của Cty mẹ	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn góp của Cty mẹ	Tỷ lệ vốn góp của công ty mẹ (%)	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)	Vốn góp của Cty mẹ	Tổng vốn đầu tư (Tỷ đồng)
1	Công ty TNHH MTV Muối Việt Nam	47.800	47.800	100%	47.800	47.800	100,00%	47.800	47.800	100,00%	47.800	47.800	100,00%
2	Công ty TNHH MTV LT Lương Yên	40.000	40.000	100%	40.000	40.000	100,00%	40.000	40.000	100,00%	40.000	40.000	100,00%
3	Công ty Cổ phần XNK LTTT Hà Nội	30.000	15.300	51,00%	30.000	15.300	51,00%	30.000	15.300	51,00%	30.000	15.300	51,00%
4	Công ty Cổ phần XD và CBLT Vĩnh Hà	215.000	109.650	51,00%	215.000	109.650	51,00%	215.000	109.650	51,00%	215.000	109.650	51,00%
5	Công ty Cổ phần Phân phối bán lẻ - VNF1	173.905	139.629	80,29%	173.905	139.629	80,29%	173.905	139.629	80,29%	173.905	139.629	80,29%
6	Công ty Cổ phần Lương thực Hà Sơn Bình	17.890	9.124	51,00%	17.890	9.124	51,00%	17.890	9.124	51,00%	17.890	9.124	51,00%
7	Công ty Cổ phần Lương thực Hà Bắc	18.847	9.612	51,00%	18.847	9.612	51,00%	18.847	9.653	51,22%	18.847	9.653	51,22%
8	Công ty Cổ phần Lương thực Đông Bắc	36.792	31.898	86,70%	36.792	31.898	86,70%	36.792	31.898	86,70%	36.792	31.898	86,70%
9	Công ty Cổ phần Lương thực Cao Lạng	10.770	6.900	64,07%	10.770	6.900	64,07%	10.770	6.900	64,07%	10.770	6.900	64,07%
10	Công ty Cổ phần Lương thực Hà Giang	5.000	4.452	89,04%	5.000	4.452	89,04%	10.000	8.904	89,04%	10.000	8.904	89,04%
11	Công ty Cổ phần Lương thực Tĩnh Điện Biên	5.000	3.616	72,32%	5.000	3.616	72,32%	5.000	3.616	72,32%	5.000	3.616	72,32%
12	Công ty Cổ phần Lương thực Sơn La	12.000	6.138	51,15%	12.000	6.138	51,15%	12.000	6.138	51,15%	12.000	6.138	51,15%
13	Công ty Cổ phần Lương thực Yên Bái	5.711	4.463	78,15%	5.403	4.463	82,60%	5.403	4.463	82,60%	5.403	4.463	82,60%
14	Công ty Cổ phần Lương thực Tuyên Quang	5.000	3.801	76,02%	5.000	3.801	76,02%	5.000	3.801	76,02%	5.000	3.801	76,02%
15	Công ty Cổ phần Lương thực Thái Nguyên	8.800	6.917	78,60%	8.800	6.917	78,60%	8.800	6.917	78,60%	8.800	6.917	78,60%
16	Công ty Cổ phần Lương thực Sông Hồng	11.200	7.891	70,46%	11.200	5.712	51,00%	11.200	5.712	51,00%	11.200	5.712	51,00%
17	Công ty Cổ phần Lương thực Nam Định	11.875	6.056	51,00%	11.875	6.056	51,00%	11.875	6.056	51,00%	11.875	6.056	51,00%
18	Công ty Cổ phần Lương thực Thanh Hóa	10.500	8.928	85,03%	10.500	8.928	85,03%	10.500	8.928	85,03%	10.500	8.928	85,03%
19	Công ty Cổ phần LT Thanh Nghệ Tĩnh	45.000	38.250	85,00%	45.000	38.250	85,00%	45.000	38.250	85,00%	45.000	38.250	85,00%
20	Công ty Cổ phần Lương thực Hà Tĩnh	10.000	6.753	67,53%	15.000	10.130	67,53%	15.000	10.130	67,53%	15.000	10.130	67,53%
21	Công ty Cổ phần Lương thực Bình Trị Thiên	24.366	12.427	51,00%	24.366	12.427	51,00%	24.366	12.427	51,00%	24.366	12.427	51,00%
22	Công ty Cổ phần Muối và TM Hà Tĩnh	7.080	3.682	52,00%	7.080	3.682	52,00%	7.080	3.682	52,00%	7.080	3.682	52,00%
23	Công ty Cổ phần Bột mỳ Vinafood1 (*)				220.000	220.000	100,00%	242.000	236.627	97,78%	242.000	236.627	97,78%
24	Công ty TNHH Lương thực Phương Đông	302.104	202.410	67%	302.104	202.410	67,00%	302.104	202.410	67,00%	302.104	202.410	67,00%
		1.054.640	725.697		1.279.332	946.895		1.306.332	968.015		1.306.332	968.015	

(*) Công ty TNHH Bột mỳ Vinafood1 chính thức chuyển đổi sang Công ty cổ phần từ ngày 04/01/2017.